

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUỶ NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 24-9-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Bùi Thúy Mở

Ông Nguyễn Văn Đông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đồng Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị P, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 11, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh H, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 11, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị P trình bày:

Chị kết hôn với anh H vào năm 1995 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn 11, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp và do anh H mãi chơi, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Năm 2012 anh H phạm tội Cướp tài sản phải đi chấp hành án phạt tù. Năm 2018 anh H chấp hành xong án phạt tù trở về gia đình nhưng vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H mãi chơi, không chịu làm ăn và thường xuyên chửi mắng vợ con. Chị đã khuyên giải nhưng anh H không nghe mà còn đánh chị. Nay chị P khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên M, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1996 và S, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2007. Hiện nay hai con chung đang sinh sống cùng với chị P tại thôn 11, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn chị P yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung tên S, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2007 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, còn con chung tên M, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1996 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 9 năm 2021 bị đơn là anh H trình bày: Anh kết hôn với chị P trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến thời gian gần đây do khúc mắc về chuyện đất đai với gia đình nhà vợ nên xảy ra va chạm. Chị Thủy xin ly hôn anh đã nhiều lần bảo chị Thủy rút đơn để vợ chồng giải quyết nhưng chị Thủy không rút, anh không đồng ý ly hôn vì con đã lớn cần danh dự cho gia đình. Vợ chồng có 02 con chung tên M sinh năm 1996 và S sinh năm 2007. Trường hợp phải ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị Thủy. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Anh không muốn tham gia phiên tòa vì anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là chị P trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh H chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là chị P. Về hôn nhân: Cho chị P được ly hôn anh H. Về con chung: Giao con chung tên S, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2007 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị P và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị P và bị đơn là anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị P và bị đơn là anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng vào năm 1995 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chị P và anh H chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị P trình bày do tính tình vợ chồng không hòa hợp và do anh H mãi chơi, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Nay chị P khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Bị đơn là anh H trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận đến thời gian gần đây do khúc mắc về chuyện đất đai với gia đình nhà vợ nên xảy ra va chạm. Nay chị P xin ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn vì con đã lớn cần danh dự cho gia đình. Tài liệu xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình vợ chồng chị P và anh H chung sống hòa thuận đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chịu làm ăn và đánh chị P. Như vậy thể hiện hôn nhân giữa chị P và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh H không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị P. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P về việc xin ly hôn anh H, cho chị P được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị P và anh H có 02 con chung tên M, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1996 và S, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2007. Khi ly hôn chị P yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung tên S sinh ngày 23 tháng 6 năm 2007 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, còn con chung tên M, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1996 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị P. Tuy nhiên việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện con chung tên M, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1996 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, còn con chung tên S sinh ngày 23 tháng 6 năm

2007 đang sinh sống cùng với chị P tại thôn 11, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng, mặt khác con chung tên S có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị P. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, giao con chung tên S sinh ngày 23 tháng 6 năm 2007 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị P trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H trình bày đề vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Cho chị P được ly hôn anh H.

2. Về con chung: Giao con chung tên S, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2007 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015984 ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng. Chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã T, huyện N,  
thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**

